

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM**

NGUYỄN THỊ BẠCH MAI

**PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN MẦM NON
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON
CHO TRẺ EM 5 TUỔI CÁC TỈNH TÂY NGUYÊN**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Chuyên ngành : Quản lý Giáo dục

Mã số: 62 14 01 14

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Hà Nội, 2015

Công trình được hoàn thành tại : **VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM**

Người hướng dẫn khoa học:

PGS.TS TRẦN THỊ BÍCH TRÀ

Phản biện 1: PGS. TS Nguyễn Xuân Thúc

Trường đại học Sư phạm Hà Nội

Phản biện 2: PGS. TS Nguyễn Công Giáp

Học viện Quản lý giáo dục

Phản biện 3: PGS. TS Nguyễn Thị Mỹ Trinh

Viện Khoa học giáo dục

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Viện họp tại Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 101 Trần Hưng Đạo, Hà Nội.

Vào hồi giờ ngày tháng năm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Viện Khoa học giáo dục Việt Nam

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo, đội ngũ giáo viên đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Điều này được khẳng định tại Điều 14, Luật giáo dục: “Nhà giáo giữ vai trò quyết định trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục”. Chất lượng đội ngũ giáo viên ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của giáo dục. Đội ngũ nhà giáo là lực lượng quyết định đến sự thành công của ngành giáo dục.

Chiến lược phát triển giáo dục 2011 – 2020 đã chú trọng: Phát triển đội ngũ nhà giáo là một trong những nhiệm vụ hết sức cấp thiết của ngành giáo dục và đào tạo nói chung và của từng cấp học, bậc học nói riêng.

Đội ngũ giáo viên mầm non có vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân; phát triển đội ngũ giáo viên là yếu tố cần thiết để thực hiện phổ cập giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần phát triển giáo dục. đáp ứng mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

Hiện nay, giáo dục mầm non của các tỉnh Tây Nguyên vẫn có những khó khăn hạn chế, trong đó khó khăn cơ bản là vấn đề phát triển đội ngũ giáo viên mầm non để đáp ứng các mục tiêu của Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, sự bất đồng về ngôn ngữ giữa giáo viên mầm non người Kinh dạy trẻ dân tộc thiểu số và ngược lại.

Để thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục từ năm 2011- 2020, phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi đang là một yêu cầu cấp thiết. Đó cũng chính là lí do tác giả chọn đề tài nghiên cứu: **“Phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi các tỉnh Tây Nguyên ”**.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận phát triển giáo viên đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và khảo sát thực trạng về phát triển đội ngũ giáo viên mầm non tại các tỉnh Tây Nguyên đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, luận án đề xuất các giải pháp phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi tại các tỉnh Tây Nguyên.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu: Đội ngũ giáo viên mầm non các tỉnh Tây Nguyên đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

3.2. Đối tượng nghiên cứu: Giải pháp phát triển đội ngũ giáo viên mầm non các tỉnh Tây Nguyên đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi theo tiếp cận quản lý nguồn nhân lực theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

4. Giả thuyết khoa học

Hiện nay công tác phát triển đội ngũ giáo viên mầm non các tỉnh Tây Nguyên đã đạt được những kết quả nhất định song vẫn còn gặp nhiều khó khăn, bất cập chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp phát triển giáo dục mầm non, đặc biệt là chưa đáp ứng được yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi các tỉnh Tây Nguyên.

Nếu đề xuất và áp dụng đồng bộ 6 giải pháp phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi theo tiếp cận quản lý nguồn

nhân lực sẽ phát triển được đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi các tỉnh Tây Nguyên, qua đó sẽ góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng giáo dục mầm non ở Tây Nguyên.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu và xây dựng cơ sở lý luận về phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Khảo sát, đánh giá thực trạng phát triển đội ngũ giáo viên mầm non và các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi của các tỉnh Tây Nguyên.

- Đề xuất các giải pháp phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi ở các tỉnh Tây Nguyên.

- Khảo sát tính cấp thiết và tính khả thi của các giải pháp đã đề xuất

- Thử nghiệm 2 giải pháp nhằm chứng minh tính ý nghĩa và tính khả thi của các giải pháp.

6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

- Đánh giá thực trạng phát triển đội ngũ giáo viên mầm non của các tỉnh Tây Nguyên (Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng) trong giai đoạn 2010 – 2013, kết quả cụ thể về thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong năm học 2012 -2013 của các tỉnh Tây Nguyên và 50 trường mầm non đại diện.

- Thử nghiệm 2 giải pháp tác động được thực hiện tại 10 trường mầm non trong tỉnh Lâm Đồng.

7. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

7.1 Phương pháp luận

Luận án đề xuất các giải pháp phát triển đội ngũ giáo viên nhằm đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi ở các tỉnh Tây Nguyên dựa trên tiếp cận quản lý nguồn nhân lực theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

7.2 Phương pháp nghiên cứu

7.2.1 Phương pháp nghiên cứu lý luận

7.2.2 Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

8. Luận điểm cơ bản cần bảo vệ

8.1. Đội ngũ giáo viên có ảnh hưởng quyết định tới chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ em tại các cơ sở giáo dục mầm non đồng thời có vai trò đặc biệt quan trọng trong phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Phát triển đội ngũ giáo viên dựa trên cách tiếp cận quản lý nguồn nhân lực theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non là điều kiện tiên quyết để nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ em, góp phần tích cực vào công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

8.2. Phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi ở các tỉnh Tây Nguyên dựa trên tiếp cận quản lý nguồn nhân lực theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non được thực hiện thông qua sự phối hợp của các cấp quản lý, các tổ chức chính trị - xã hội và các trường cao đẳng sư phạm của Tây Nguyên.

8.3. Xây dựng các giải pháp phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi phù hợp với điều kiện cụ thể ở Tây nguyên sẽ góp phần quan trọng tạo nên một đội ngũ giáo viên mầm non đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ em

mầm non, hướng tới đạt được mục tiêu của Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi của vùng Tây Nguyên đã được đặt ra.

9. Những đóng góp mới của luận án

9.1. Luận án đã xây dựng cơ sở lý luận về phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

9.2. Luận án đã khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng về phát triển phát triển đội ngũ giáo viên mầm non tại các tỉnh Tây Nguyên; phân tích được các yếu tố ảnh hưởng, nguyên nhân của thực trạng, xây dựng cơ sở thực tiễn góp phần đề xuất các giải pháp phát triển phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi các tỉnh Tây Nguyên.

9.3. Luận án đề xuất và chứng minh được tính cấp thiết, mức độ khả thi của các giải pháp thông qua trung cầu ý kiến và thực nghiệm tác động 2 giải pháp phát triển phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi ở các tỉnh Tây Nguyên.

9.4. Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần tạo cơ sở khoa học xây dựng chính sách tuyển chọn, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và đãi ngộ giáo viên mầm non hợp lý với đặc thù riêng của các tỉnh Tây nguyên để đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non các tỉnh Tây Nguyên.

10. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, tài liệu tham khảo và phụ lục luận án gồm 3 chương sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

Chương 2: Thực trạng phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi các tỉnh Tây Nguyên

Chương 3: Giải pháp phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi các tỉnh Tây Nguyên

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN

VỀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN MẦM NON ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM 5 TUỔI

1.1 Tổng quan nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Nghiên cứu vấn đề phát triển nguồn nhân lực

Khái niệm phát triển nguồn nhân lực, ý tưởng quản lý nguồn nhân lực của tác giả Leonard Nadler gồm có 3 nhiệm vụ chính là: Phát triển nguồn nhân lực; Sử dụng nguồn nhân lực; Tạo môi trường thuận lợi để nhân lực phát triển[22, 26].

Tác giả Phan Văn Kha đã phân tích sâu về các khái niệm cơ bản về quản lý, bản chất của quá trình quản lý, chất lượng và các quan niệm về chất lượng đào tạo nhân lực [50].

Tác giả Đặng Bá Lãm nghiên cứu về phát triển nguồn nhân lực và phân tích cụ thể quá trình phát triển nguồn nhân lực cho sự nghiệp CNH, HĐH ở Việt Nam [54]

Tác giả Mạc Văn Trang nêu lên yêu cầu quản lý nhân sự và quản lý nhân lực, phân tích những đặc trưng của lao động sư phạm và vai trò của quản lý nhân lực; là vấn đề cần

được tiếp tục nghiên cứu trong thực tiễn đổi mới công tác quản lý đội ngũ giáo viên hiện nay nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng nguồn nhân lực trong ngành giáo dục.

Công trình “*Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*” của tác giả Trần Khánh Đức ; Công trình nghiên cứu: “*Những vấn đề lý luận cơ bản về phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam*” tác giả Nguyễn Lộc; Nghiên cứu về “*Quản lý nguồn nhân lực chiến lược dựa vào năng lực*” của Tác giả Nguyễn Tiến Hùng

Như vậy, đã có nhiều công trình nghiên cứu về phát triển nguồn nhân lực, khẳng định vai trò của nguồn nhân lực đối với sự phát triển của kinh tế và xã hội của các nước trong bối cảnh hiện đại hóa, công nghiệp hóa và đi đến những kết luận khác nhau tùy thuộc vào cách tiếp cận và xuất phát điểm nghiên cứu... Do đó, tiếp tục nghiên cứu về phát triển nguồn nhân lực Việt Nam nói chung, đặc biệt nghiên cứu về phát triển nguồn nhân lực trong từng lĩnh vực đối với từng vùng, miền ... cụ thể nói riêng trong bối cảnh đổi mới hiện nay là đặc biệt cần thiết.

1.1.2. Nghiên cứu vấn đề phát triển đội ngũ giáo viên và giáo viên mầm non

Khi đề cập đến phát triển đội ngũ giáo viên, một số nghiên cứu gần đây đề cao việc thúc đẩy phát triển bền vững và sự thích ứng nhanh của giáo viên. Daniel R. Beerens chủ trương tạo ra một nền văn hóa của sự thúc đẩy, có động lực và luôn học tập (Creating a Culture of Motivation and Learning) trong đội ngũ;

Tổng kết của UNESCO (2005) đã nêu về vai trò của người giáo viên: Về mặt chất lượng của nhà giáo, một số nghiên cứu của các thành viên OECD - Tổ chức Hợp tác Phát triển Châu Âu. Công trình về “*Quản lý giáo dục*” của các tác giả Bùi Minh Hiền - Vũ Ngọc Hải - Đặng Quốc Bảo đã quan tâm ba vấn đề: Số lượng, chất lượng, cơ cấu của đội ngũ giáo viên.

Dự án Hỗ trợ đổi mới quản lý giáo dục (Support to the Renovation Management - SREM) đã có những nghiên cứu về thực hiện đổi mới quản lý giáo dục nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý. Luận án tiến sĩ của tác giả Lê Khánh Tuấn (2006); tác giả Phạm Minh Giản (2012), nội dung tập trung vấn đề nghiên cứu phát triển đội ngũ giáo viên trung học phổ thông theo chuẩn.

Quá trình nghiên cứu cho thấy ở bất cứ giai đoạn lịch sử nào, yếu tố con người cũng luôn giữ vai trò then chốt, quyết định sự phát triển của xã hội. Sự thay đổi của xã hội Việt Nam hiện nay đặt ra những yêu cầu mới đối với giáo dục và đào tạo, trong đó đổi mới trước hết phải được thực hiện từ giáo dục mầm non – bậc học đầu tiên của nền giáo dục quốc dân.

Nghiên cứu vấn đề về phát triển đội ngũ giáo viên mầm non

“*Nền tảng vững chắc chăm sóc và giáo dục mầm non*” do UNESCO xuất bản năm 2007, Báo cáo Giám sát về Toàn cầu về Giáo dục cho mọi người cho thấy trình độ chuyên môn cho giáo viên trước tuổi học khác nhau ở nhiều nước;

Tác giả Nguyễn Thị Mỹ Lộc – Nguyễn Thị Tuất khẳng định về vai trò của giáo viên mầm non: “*Giáo viên mầm non- nhà tổ chức – nhà quản lý*” [60,74];

Đề tài: “*Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của việc xây dựng chuẩn giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục mầm non*”; “*Mô hình nhân cách giáo viên mầm non trong thời kỳ hội nhập quốc tế*” (2012).

Trong quá trình phát triển giáo dục tiến đến hiện đại hóa, chuẩn hóa giáo dục của nhiều nước trên thế giới đã chú trọng phát triển đội ngũ giáo viên nói chung và giáo viên

mầm non nói riêng. Đặc biệt là các nước tiên tiến trên thế giới như: Hoa Kỳ, Đức, Nhật Bản, Thái Lan.

Từ các nghiên cứu trên cho thấy: Phát triển đội ngũ giáo viên là vấn đề phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục và đào tạo và có ảnh hưởng mang tính quyết định đến việc nâng cao chất lượng dạy học trong nhà trường. Phát triển đội ngũ giáo viên mầm non càng có vai trò đặc biệt vì sự phát triển của trẻ trong những năm đầu tiên góp phần định hướng cho sự phát triển nhân cách của trẻ trong tương lai. Phát triển đội ngũ giáo viên mầm non bao gồm cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu, trong đó chất lượng đội ngũ giáo viên luôn được đặc biệt quan tâm nghiên cứu.

1.1.3. Nghiên cứu vấn đề phổ cập giáo dục và phổ cập giáo dục mầm non

Nhiều nước phát triển và đang phát triển đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở như Anh, Pháp, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc... Ở nước ta, vấn đề phát triển đội ngũ giáo viên và vấn đề phổ cập giáo dục được đề cập từ lâu.. Trong những năm qua, đã có những công trình nghiên cứu về vấn đề phổ cập giáo dục tại Việt Nam. Để thực hiện đúng tiến độ và đạt được hiệu quả của công tác phổ cập giáo dục nói chung, phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở nói riêng: *đội ngũ giáo viên là yếu tố quan trọng*. Nhưng chưa có đề tài nào đề cập đến công tác phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng mục tiêu của phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

Tổng hợp những công trình nghiên cứu trên có thể nhận thấy: Cho đến nay đã có nhiều công trình ở trong nước và ngoài nước nghiên cứu về nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực, phát triển đội ngũ giáo viên, phát triển đội ngũ giáo viên mầm non, phổ cập giáo dục, phổ cập giáo dục mầm non... Mỗi công trình đề cập đến những khía cạnh nghiên cứu khác nhau, tuy nhiên các công trình đều thống nhất:

- Khẳng định vai trò của nguồn nhân lực nói chung và của đội ngũ giáo viên nói riêng đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.
- Đội ngũ giáo viên là yếu tố quan trọng trong thực hiện phổ cập giáo dục của từng cấp học. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay đội ngũ giáo viên mầm non có vai trò then chốt trong việc thực hiện đúng tiến độ và đạt được hiệu quả của công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.
- Phát triển đội ngũ giáo viên nói chung, phát triển đội ngũ giáo viên mầm non nói riêng theo hướng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đang được quan tâm nghiên cứu nhằm đáp ứng những yêu cầu mới về chức năng và nhiệm vụ của người giáo viên.
- Phát triển đội ngũ giáo viên thực hiện phổ cập phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi bao hàm không chỉ đủ về số lượng mà phải đạt chuẩn về chất lượng và đồng bộ về cơ cấu.

1.2 Một số khái niệm cơ bản của luận án

1.2.1 Quản lý

Quản lý là quá trình lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra các công việc của các thành viên thuộc một hệ thống đơn vị và việc sử dụng các nguồn lực phù hợp để đạt được các mục đích xác định,...

1.2.2 Phát triển bao gồm 3 yếu tố là: tăng cường số lượng, điều chỉnh cơ cấu và nâng cao chất lượng

1.2.3 Nguồn nhân lực

Nhân lực chính là nguồn lực con người, đây là một trong những nguồn lực quan trọng nhất của sự phát triển kinh tế - xã hội.

Nguồn nhân lực (Human Resource): Nguồn nhân lực là nơi cung cấp sức lao động cho toàn xã hội bao gồm toàn bộ dân cư có cơ thể bình thường.

1.2.4 Quản lý nguồn nhân lực

Quản lý nguồn nhân lực là quá trình tác động có định hướng, có mục đích, có kế hoạch và có hệ thống dựa trên những cơ sở khoa học và xu hướng phát triển khách quan xã hội, của chủ thể quản lý đến con người nhằm đạt được mục tiêu của tổ chức, làm gia tăng giá trị con người, làm cho con người trở thành những người lao động có những năng lực, phẩm chất mới và cao hơn đáp ứng được những yêu cầu to lớn của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.

1.2.5 Phát triển nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực là quá trình cung cấp những nguồn lực cần thiết cho sự phát triển kinh tế, xã hội, sự phát triển của một ngành sản xuất, kinh doanh, một tổ chức, một dân tộc, một đất nước.

Phát triển nguồn nhân lực là sự phát triển đội ngũ đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng (đạt chuẩn về trình độ chuyên môn và chuẩn nghề nghiệp), đồng bộ về cơ cấu... Phát triển đội ngũ thông qua việc tuyển chọn, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng các chính sách đãi ngộ và đánh giá nhân lực để làm cho con người phát triển toàn diện, trong đó giáo dục và đào tạo được coi là biện pháp chủ yếu và quan trọng để phát triển nguồn nhân lực.

Phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục và đào tạo chính là sự phát triển đội ngũ nhân lực sư phạm đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng (đạt chuẩn về trình độ chuyên môn và chuẩn nghề nghiệp), đồng bộ về cơ cấu... đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác giáo dục thông qua quá trình thực hiện các nội dung về tuyển chọn, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chính sách đãi ngộ và đánh giá đội ngũ giáo viên.

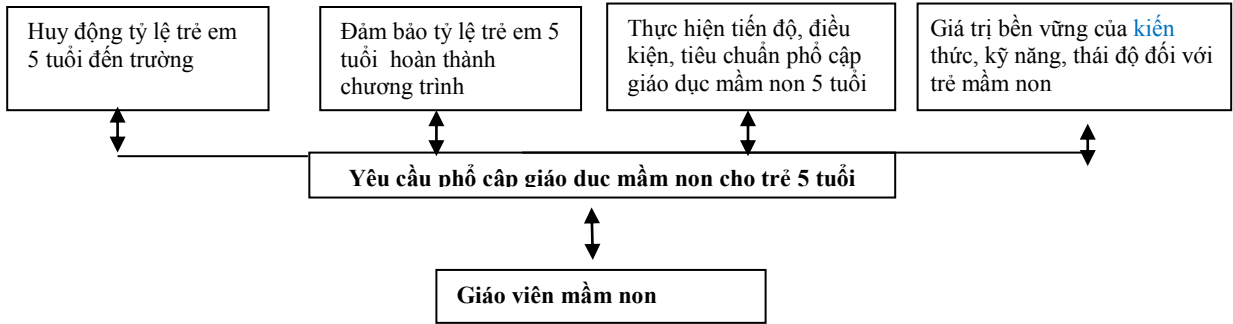
1.2.6 Phát triển đội ngũ giáo viên mầm non

Phát triển đội ngũ giáo viên mầm non là phát triển nhân lực sư phạm trong trường mầm non đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng (đạt chuẩn về trình độ chuyên môn và chuẩn nghề nghiệp), đồng bộ về cơ cấu... thông qua quá trình tuyển chọn, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chính sách đãi ngộ, tạo môi trường sư phạm thuận lợi và đánh giá đội ngũ giáo viên mầm non nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non, đáp ứng mục tiêu của giáo dục mầm non.

1.3. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và một số nét đặc thù về yêu cầu phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi nghĩa là tất cả trẻ em 5 tuổi đều tham gia vào hệ thống cơ sở giáo dục mầm non và hoàn thành chương trình giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

Vai trò của giáo viên mầm non trong thực hiện mục tiêu, yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.1: Vai trò của giáo viên mầm non với yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

- Các yêu cầu phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi được cụ thể hóa như sau:

**Yêu cầu có đủ số lượng và đảm bảo cơ cấu đội ngũ giáo viên mầm non để tổ chức cho trẻ mầm non được chăm sóc và giáo dục 2 buổi/ ngày tại trường mầm non (Yêu cầu 1)*

**Yêu cầu đảm bảo chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt chuẩn về trình độ chuyên môn và chuẩn nghề nghiệp (Yêu cầu 2)*

**Yêu cầu giáo viên mầm non có khả năng tham gia các hoạt động trong và ngoài nhà trường cùng thực hiện có chất lượng và tiến độ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non một cách bền vững (Yêu cầu 3).*

**Yêu cầu giáo viên mầm non được bảo đảm chế độ, chính sách đãi ngộ (Yêu cầu 4).*

1.4. Nội dung phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

*** Quan niệm**

Phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi là quá trình thực hiện các nội dung quy hoạch, các nội dung về tuyển chọn, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chính sách đãi ngộ, tạo môi trường sư phạm thuận lợi cho giáo viên mầm non nhằm xây dựng được đội ngũ giáo viên mầm non phù hợp với yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi đã được xác định.

1.4.1 Quy hoạch đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

+ Quy hoạch về mặt số lượng đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

+ Quy hoạch về mặt cơ cấu đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

1.4.2 Tuyển chọn, sử dụng đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

1.4.3 Quản lý đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

1.4.4 Thực hiện chế độ, chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

1.4.5 Kiểm tra, đánh giá đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

1.5.1 Yếu tố khách quan

1.5.2. Yếu tố chủ quan

Kết luận chương 1

Chương 2

THỰC TRẠNG VỀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN MẦM NON ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM 5 TUỔI TẠI CÁC TỈNH TÂY NGUYÊN

2.1. Một số đặc điểm về dân cư, kinh tế, văn hóa - xã hội và giáo dục của các tỉnh Tây Nguyên

2.1.1. Đặc điểm về dân cư: Tây Nguyên bao gồm năm tỉnh: KonTum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Trên địa bàn Tây Nguyên có 54 dân tộc cùng chung sống, hầu hết các tỉnh trong vùng đều có cơ cấu dân cư rất đa dạng gồm nhiều dân tộc, là vùng có nhiều biến động cơ học dân số

2.1.2. Đặc điểm về kinh tế: Tây Nguyên là vùng được thiên nhiên ưu đãi. Sự phát triển kinh tế Tây Nguyên đã đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết.

2.1.3. Đặc điểm về văn hóa và xã hội: Tây Nguyên là nơi có ưu thế về du lịch sinh thái và văn hoá.. Trong những năm gần đây, mạng lưới y tế, giáo dục của các tỉnh Tây Nguyên có nhiều chuyển biến.

2.1.4. Đặc điểm về giáo dục

a) Phát triển về mạng lưới, quy mô trường lớp

b) Phát triển giáo dục dân tộc

Số học sinh dân tộc thiểu số đều tăng ở tất cả các cấp học, bậc học và chiếm tỷ lệ ngày càng cao.. Quy mô học sinh tăng nhưng mạng trường lớp vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu, đội ngũ giáo viên còn thiếu về số lượng, chất lượng chưa mạnh, cơ cấu chưa đồng bộ. Vấn đề giáo dục vùng dân tộc thiểu số còn nhiều bất cập...

2.2 Thực trạng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi các tỉnh Tây Nguyên

2.2.1 Thực trạng về phát triển quy mô trường lớp mầm non và số lượng trẻ em đến trường , lớp mầm non

a) Thực trạng về phát triển quy mô trường lớp mầm non

Năm học 2012 – 2013, các tỉnh Tây Nguyên có 922 trường mầm non và mẫu giáo. Ngoài còn có 18 tổ mẫu giáo gắn với trường tiểu học; gồm có 1.316 nhóm trẻ và 10.104 lớp mẫu giáo, trong đó có 4.922 lớp mẫu giáo 5 tuổi, chiếm tỷ lệ 48,71% .

Mạng lưới trường lớp mầm non tại các tỉnh Tây Nguyên phát triển phù hợp với tình hình địa phương, đáp ứng phần nào nhu cầu học tập của con em nhân dân. Tuy nhiên các loại hình trường mầm non trên địa bàn phân bố không đồng đều.

b) Số lượng trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo đến trường lớp mầm non

Bảng 2.6: Quy mô trẻ đến nhà trẻ - mẫu giáo của các tỉnh Tây Nguyên năm học 2012 -2013

Stt	Tỉnh	Trẻ em từ 0-2 tuổi			Trẻ em từ 3-5 tuổi			Trẻ em 5 tuổi				
		Tổng số	Đến trường	Tỷ lệ %	Tổng số	Đến trường	Tỷ lệ %	Tổng số	Đến trường	Tỷ lệ %	Trẻ em học 2 buổi/ ngày	Tỷ lệ %
1	Gia Lai	59.922	5.743	9.6	87.928	66.825	76.0	32.002	31.968	99.9	27.680	86.6
2	Kon Tum	28.130	3.243	11.5	34.713	29.641	85.4	11.151	11.117	99.7	11.010	99.0
3	Đak Lak	60.399	4.531	7.5	98.997	78.107	78.9	34.383	33.989	98.9	32.661	96.1
4	Đak Nông	17.278	1.259	7.3	33.423	27.423	82.0	12.003	11.714	97.6	11.124	95.0
5	Lâm Đồng	51.321	7.540	14.7	65.039	53.712	82.6	23.804	23.688	99.5	23.688	100.
Tổng số		217.050	22.316	10.3	320.100	255.708	79.9	113.343	112.476	99.2	106.163	94,4

Nguồn: các Sở Giáo dục và Đào tạo

c) Thực trạng về phát triển lớp mẫu giáo và số lượng trẻ em 5 tuổi

+ Trẻ em 5 tuổi: Tổng số 112.476 trẻ, tỉ lệ 99,2% so với tổng số trẻ trong độ tuổi. Tỉnh có tỷ lệ huy động trẻ MG 5 tuổi thấp nhất là Đak Nông (97,6%) và cao nhất là Gia Lai (99,9%).

+ Trẻ em 5 tuổi được học 2 buổi/ngày: Tổng số 106.163 trẻ, chiếm tỉ lệ 94,4% so với tổng số trẻ 5 tuổi được huy động đến trường, lớp mầm non. Tỉnh có tỷ lệ trẻ em 5 tuổi được học 2 buổi/ ngày thấp nhất là Đak Nông (86,6%) và cao nhất là Lâm Đồng (100%).

2.2.2 Thực trạng về chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ mẫu giáo 5 tuổi

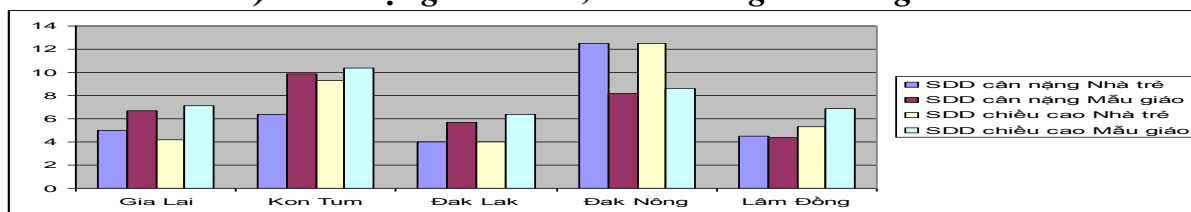
a) Chất lượng giáo dục trẻ mầm non

Bảng 2.8: Thực hiện chương trình giáo dục mầm non tại các tỉnh Tây Nguyên năm học 2012 -2013

Stt	Tỉnh	Thực hiện chương trình giáo dục mầm non										Nhóm, lớp học 2 buổi / ngày		
		Số trường	Tỷ lệ %	Số lớp	Tỷ lệ %	MG5 t	Tỷ lệ %	TS trẻ	Tỷ lệ %	MG5t	Tỷ lệ %	TS	Bán trú	Không bán trú
1	Gia Lai	244	100	2784	65.4	1472	100	70019	96.5	30506	95.4	2127	1187	940
2	Kon Tum	116	100	1327	99.6	806	100	32390	98.5	11117	100.0	1325	732	593
3	Đak Lak	258	99.6	2624	94.6	1284	97.1	78549	95.1	32790	96.5	2624	1747	877
4	Đak Nông	91	100	871	92.8	397	85.4	24749	86.3	11218	95.8	871	629	242
5	Lâm Đồng	212	100	1895	89.4	856	100	56654	92.5	23688	100.0	1783	1618	165
Tổng số		921	99.9	9.501	83.2	4815	97.8	262.361	94.4	109319	97.2	8730	5913	2817

Nguồn: Các Sở Giáo dục và Đào tạo

b) Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mẫu giáo 5 tuổi



Biểu đồ 2.2: Tỷ lệ (%) trẻ em 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng và chiều cao các tỉnh Tây Nguyên năm học 2012 - 2013

Chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ trong các trường, lớp mầm non đã có nhiều tiến bộ đã tạo được niềm tin đối với các bậc cha mẹ. Tuy nhiên hiện nay chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ chưa đồng đều giữa các địa bàn vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn với thành phố, thị trấn. Nguyên nhân do còn khó khăn về cơ sở vật chất chưa có đủ các công trình, thiết bị đồ dùng phục vụ vệ sinh, ăn uống cho trẻ và trình độ của đội ngũ giáo viên mầm non, nhân viên nấu ăn còn hạn chế.

2.3. Thực trạng phát triển đội ngũ giáo viên mầm non của các tỉnh Tây Nguyên đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

2.3.1. Quy hoạch phát triển đội ngũ giáo viên mầm non

a) Thực trạng về phát triển số lượng giáo viên mầm non

- Về số lượng giáo viên mẫu giáo và giáo viên mẫu giáo dạy lớp 5 tuổi

Bảng 2.11: Số lượng giáo viên mẫu giáo và giáo viên mẫu giáo dạy lớp 5 tuổi ở các tỉnh Tây Nguyên năm học 2012 - 2013

Stt	Tỉnh	Giáo viên mẫu giáo									Giáo viên mẫu giáo dạy lớp 5 tuổi	
		Tổng số	Biên chế	Tỷ lệ %	Dân tộc	Trình độ đạt chuẩn trở lên	Trình độ trên chuẩn	Giáo viên mẫu giáo dạy vùng dân tộc thiểu số	Giáo viên mẫu giáo còn thiếu	Tỷ lệ %	TS	Định biên
1	Gia Lai	3048	2316	76.0	461	3048	1109	1379	362	10.6	1956	1.3
2	Kon Tum	1549	1331	85.9	412	1497	760	953	181	10.5	969	1.2
3	Đak Lak	3777	2613	69.2	885	3760	1453	1324	650	14.7	1893	1.4
4	Đak Nông	1279	1059	82.8	175	1234	405	316	139	9.8	646	1.4
5	Lâm Đồng	2826	1042	36.9	301	2582	1789	593	86	3.0	1492	1.7
Tổng số		12479	8361	67.0	2234	12121	5516	4565	1418	10.2	6956	1.4

Nguồn: Các Sở Giáo dục và Đào tạo

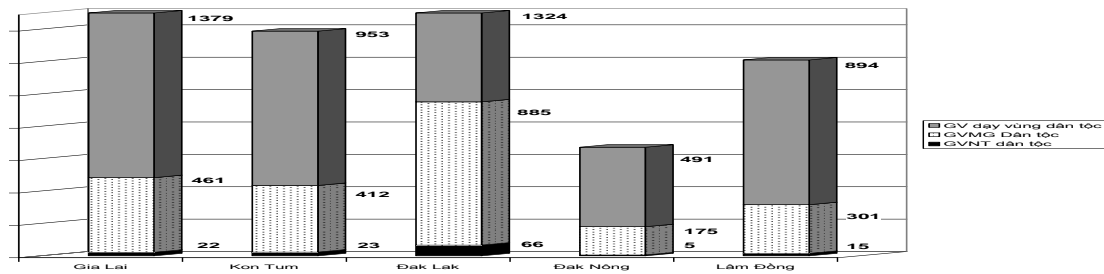
Trong năm học 2012 -2013, các tỉnh Tây nguyên có tổng số 12.479 giáo viên dạy lớp mẫu giáo, riêng giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi có 6.956 người. Các địa phương đã cố gắng bố trí giáo viên mầm non để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục trẻ 2 buổi/ngày (2 giáo viên mầm non/lớp bán trú, 1 giáo viên mầm non/lớp học 1 buổi). Tuy nhiên vẫn còn thiếu 1.418 giáo viên mầm non so với định biên và nhu cầu của các lớp học bán trú. Thiếu giáo viên mầm non nhiều nhất là tỉnh Đăk Lăk (650 người), thiếu giáo viên mầm non ít nhất là tỉnh Lâm Đồng (86 người). So với định mức biên chế đội ngũ

trong trường mầm non, còn thiếu tổng số 2.462 người. Trong đó thiếu 798 người cán bộ quản lý và 1.864 giáo viên mầm non.

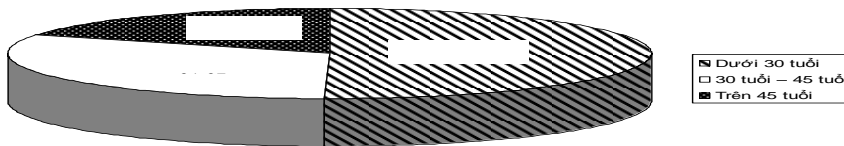
Giáo viên mầm non dạy lớp MG 5 tuổi có 6.956 người, định biên bình quân chỉ đạt 1,4, so với định mức chung là 2,2 giáo viên mầm non/lớp còn thiếu khoảng 3.637 giáo viên.

b) Cơ cấu đội ngũ giáo viên mầm non dạy lớp 5 tuổi về thành phần dân tộc, độ tuổi

* Cơ cấu thành phần dân tộc



Biểu đồ 2.3: Số giáo viên mầm non người dân tộc thiểu số và số giáo viên mầm non dạy tại vùng dân tộc thiểu số của các tỉnh Tây Nguyên năm học 2012 - 2013



Biểu đồ 2.4: Tỷ lệ về cơ cấu độ tuổi giáo viên mầm non của các tỉnh Tây Nguyên năm học 2012 - 2013

2.3.2 Tuyển chọn và sử dụng đội ngũ giáo viên mầm non

Việc thực hiện tuyển biên chế cho giáo viên mầm non đang là việc làm cấp bách hiện nay. Qua thống kê số liệu của các Sở giáo dục và đào tạo tại các tỉnh Tây Nguyên, tỷ lệ giáo viên mầm non trong biên chế còn thấp: giáo viên mẫu giáo có tỷ lệ 67% và giáo viên dạy ở nhóm trẻ chỉ có tỷ lệ 13,1%.

2.3.3 Quản lý đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non

a) Quản lý đào tạo về trình độ chuyên môn cho giáo viên mầm non

Số lượng giáo viên mầm non đạt trình độ trung học sư phạm là 13.310 trong tổng số 14.108 giáo viên mầm non, tỷ lệ 94,34%; trong đó có 5.952 giáo viên mầm non đạt trình độ cao đẳng sư phạm trở lên, tỉ lệ 41,29% so với tổng số giáo viên mầm non (Bảng 2.13 và 2.14). So với chỉ tiêu đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2011 - 2015 (đến 2015, 100% đạt chuẩn - 50% đạt trên chuẩn) còn 5.66% giáo viên mầm non chưa đạt trình độ chuẩn (tập trung ở số giáo viên mầm non trên 45 tuổi và số giáo viên người dân tộc).

b) Quản lý bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ giáo dục mầm non

Khảo sát ý kiến của 65 cán bộ quản lý cho thấy: có 40/65 ý kiến (61,5%) nhận định công tác bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên mầm non đã được thực hiện nhưng kết quả còn nhiều hạn chế, chưa phù hợp. Lý do là hầu hết giáo viên mầm non chỉ được hướng dẫn trên lý thuyết, thiếu các nội dung về kỹ năng thực hành.

2.3.4 Việc thực hiện chế độ chính sách đối với giáo viên mầm non

Kết quả khảo sát tại 5 tỉnh, 200 cán bộ quản lý cấp Sở giáo dục và đào tạo, Phòng giáo dục và đào tạo và 50 hiệu trưởng trường mầm non, 100% ý kiến có nhận xét: việc thực hiện chế độ chính sách cho giáo viên mầm non trong hệ thống trường công lập ở các tỉnh Tây Nguyên đã được giải quyết cơ bản như đảm bảo các chế độ theo quy định bao gồm tiền lương và các khoản phụ cấp khác... Thu nhập bình quân (căn cứ mức lương cơ bản) của giáo viên mầm non hiện nay khoảng 3.000.000đ/ tháng

2.3.5 Kiểm tra, đánh giá giáo viên mầm non

Thực hiện đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non thông qua phiếu đánh giá tại thời điểm cuối năm học hàng năm. Kết quả đánh giá được tiến hành vào tháng 6/2013 (thông qua phiếu tổng hợp đánh giá của 212 hiệu trưởng, tổ chuyên môn của 212 trường mầm non và 2791 giáo viên mầm non), có 6,4% giáo viên mầm non đạt xếp loại xuất sắc, xếp loại khá là 62,2%, vẫn còn 2,3% giáo viên mầm non xếp loại kém

2.4 Đánh giá thực trạng phát triển đội ngũ giáo viên vùng Tây Nguyên đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

- Những mặt mạnh

+ Các cấp quản lý giáo dục quan tâm, xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giáo viên mầm non tăng về số lượng, từng bước bố trí đảm bảo định biên giáo viên mầm non/lớp và sắp xếp đội ngũ giáo viên mầm non phù hợp quy mô mạng lưới trường, lớp ở vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số.

+ Đại bộ phận giáo viên mầm non nhất là giáo viên mầm non dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi nhiệt tình, có ý thức trong học tập nâng cao trình độ, có ý thức trách nhiệm trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ em, tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi tại địa phương. Đội ngũ giáo viên mầm non từng bước được trẻ hóa, được đào tạo chuẩn và trên chuẩn nên đủ năng lực đáp ứng với yêu cầu của đổi mới chương trình giáo dục mầm non mới; chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ em đặc biệt là thực hiện đánh giá trẻ em theo Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi hiện hành có những chuyển biến rõ rệt;

+ Công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên mầm non được chú trọng triển khai theo kế hoạch, mục tiêu của ngành và nhu cầu của người học, giúp cho giáo viên mầm non có điều kiện thực hiện đảm bảo theo các yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đáp ứng các yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

+ Chế độ chính sách cho đội ngũ giáo viên mầm non: cơ bản lương của giáo viên mầm non đã được giải quyết theo ngạch, bậc.

+ Công tác đánh giá, xếp loại giáo viên mầm non được tiến hành hàng năm có nề nếp theo quy trình, cơ bản hướng theo yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

- Những hạn chế

+ Công tác dự báo, quy hoạch đội ngũ giáo viên mầm non còn nhiều lúng túng mất cân đối giữa đào tạo và sử dụng nên dẫn đến tình trạng thiếu nhiều giáo viên mầm non, đặc biệt các trường mầm non ở vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số làm ảnh

hưởng đến việc tổ chức chăm sóc và giáo dục trẻ em tại trường mầm non theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi;

+ Chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non chưa đồng đều giữa các vùng, thành phố, thị xã, thị trấn và vùng dân tộc. Vì vậy còn gặp nhiều khó khăn trong xây dựng phát triển giáo dục mầm non theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa;

+ Công tác đào tạo đội ngũ giáo viên mầm non chưa đáp ứng nhu cầu về phát triển qui mô giáo dục mầm non, chưa đảm bảo cho việc thực hiện các chỉ tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Đội ngũ giáo viên mầm non vừa thiếu về số lượng, chất lượng chưa đồng đều giữa các vùng trong tỉnh. Sự phối hợp trong việc quy hoạch, đào tạo và sử dụng giáo viên mầm non giữa trường cao đẳng sư phạm với Sở giáo dục và đào tạo và trường mầm non của các tỉnh chưa được gắn kết chặt chẽ.

+ Công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên cho giáo viên mầm non tuy có nề nếp nhưng vẫn còn mang tính hình thức, tinh thần tự học của giáo viên mầm non chưa cao do điều kiện và thời gian làm việc của giáo viên mầm non vượt quá qui định (10 – 12 giờ/ ngày); các nội dung bồi dưỡng chưa thiết thực chưa có nhiều nội dung bồi dưỡng thuộc lĩnh vực, yêu cầu về kỹ năng sư phạm và cập nhật kiến thức mới về chăm sóc và giáo dục trẻ.

+ Việc bồi dưỡng ngôn ngữ của dân tộc thiểu số cho giáo viên mầm non chưa thực sự bài bản, chủ yếu theo thời vụ, số lượng giáo viên mầm non được tham gia các lớp học ngôn ngữ của dân tộc thiểu số ít so với nhu cầu; chưa có chương trình bồi dưỡng ngôn ngữ của dân tộc thiểu số tại chỗ trong hầu hết các trường sư phạm của tỉnh theo đặc thù của từng địa phương.

+ Vẫn còn địa phương chưa có sự quan tâm đầu tư đúng mức đối với giáo dục mầm non; thiếu các điều kiện để giáo viên mầm non yên tâm công tác tại vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số.

+ Việc thực hiện chế độ chính sách cho giáo viên mầm non còn bất cập, chưa có chế độ cho giáo viên mầm non công tác tại vùng dân tộc thiểu số.

- Những thuận lợi

+ Các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, Nhà nước từ Trung ương đến địa phương về giáo dục nói chung và đặc biệt về giáo dục mầm non phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội của từng tỉnh đã tạo hành lang pháp lý, tạo điều kiện tốt cho giáo dục mầm non phát triển;

+ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân đã quan tâm có những biện pháp cụ thể chăm lo cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo nói chung và giáo dục mầm non nói riêng, thúc đẩy tốt tiến trình thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi;

+ Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tăng trưởng kinh tế tạo điều kiện cho chất lượng cuộc sống của người dân được nâng cao hơn góp phần phát triển giáo dục mầm non vào thực hiện các mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Những khó khăn, thách thức

+ Dân số biến động do nguồn di dân tự do nhập cư vào đã làm phát triển quy mô giáo dục và đào tạo nói chung và giáo dục mầm non nói riêng, tạo sự bất cập giữa điều kiện phát triển và nhu cầu phát triển, ảnh hưởng đến việc phát triển đội ngũ giáo viên

mầm non về mặt số lượng và chất lượng, thiếu giáo viên mầm non có trình độ thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non 2 buổi/ngày. Điều kiện về cơ sở vật chất các trường, lớp mầm non còn nhiều thiếu thốn, vẫn còn trẻ 5 - 6 tuổi phải học tại các phòng mượn, phòng tạm, các lớp mẫu giáo ở trong trường tiểu học, không đủ các điều kiện ...

+ Việc thực hiện chuyển đổi các trường mầm non đến năm 2012 mới được thực thi theo đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, vì vậy chính sách cho đội ngũ giáo viên mầm non chưa được giải quyết kịp thời như tuyển biên chế, chế độ phụ cấp thâm niên....

+ Hầu hết các tỉnh Tây Nguyên đều được hỗ trợ kinh phí từ Trung ương, những năm gần đây Ngân sách giáo dục nói chung và giáo dục mầm non nói riêng còn có nhiều khó khăn. Trong khi đó công tác xã hội hóa giáo dục ở một số địa phương chưa tốt, chưa tận lực thu hút sức dân tham gia xây dựng trường mầm non cũng như thu học phí để đảm bảo cho hoạt động của các trường lớp mầm non. Mặt khác đời sống của một bộ phận nhân dân ở các vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc còn nhiều khó khăn nên đã ảnh hưởng đến công tác xã hội hóa giáo dục.

+ Tư tưởng ỷ lại vào sự bao cấp của nhà nước còn khá nặng nề ở một bộ phận dân cư, nhất là đồng bào dân tộc.

Nguyên nhân chính của những khó khăn, thách thức: Mặc dù đã có chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục mầm non. Các tỉnh Tây Nguyên đã xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo ngắn hạn và trung hạn, trong đó có kế hoạch phát triển giáo dục mầm non nhưng chưa quy hoạch phát triển giáo dục mầm non riêng. Đặc biệt công tác phát triển đội ngũ giáo viên mầm non chưa được quan tâm. Vì thế, để thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong những năm gần đây còn gặp nhiều khó khăn trở ngại...

Kết luận chương 2

Chương 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN MẦM NON ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM 5 TUỔI CÁC TỈNH TÂY NGUYÊN

3.1. Định hướng phát triển giáo dục và đào tạo và phát triển giáo dục mầm non của các tỉnh Tây nguyên đến 2020

3.1.1 Định hướng phát triển giáo dục và đào tạo của các tỉnh Tây nguyên đến 2020

3.1.2 Định hướng phát triển giáo dục mầm non của các tỉnh Tây Nguyên đến 2020

“Phần đầu đến năm 2015 tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm xuống dưới 23%, đến năm 2020 dưới 16%. Đến năm 2015, tất cả các tỉnh trong vùng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi”.[84]

***Định hướng về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi đến năm 2020**

“Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong giáo dục mầm non nhằm chuẩn bị tốt nhất cho trẻ vào lớp 1 đối với tất cả vùng miền trong cả nước. Nhà nước có trách nhiệm quản lý, đầu tư phát triển giáo dục mầm

non, tăng cường cơ sở vật chất, đào tạo đội ngũ giáo viên; ưu tiên đầu tư các vùng có điều kiện khó khăn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, biên giới”.

3.2 Các nguyên tắc đề xuất giải pháp

3.2.1 Đảm bảo tính cần thiết

3.2.2 Đảm bảo tính thực tiễn

3.2.3 Đảm bảo tính hiệu quả

3.2.4 Đảm bảo tính kế thừa

3.2.5 Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống

3.2.6 Nguyên tắc đảm bảo tính công bằng

3.3 Các giải pháp phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi ở các tỉnh Tây Nguyên

3.3.1 Đổi mới quy hoạch và chỉ đạo thực hiện hiệu quả quy hoạch phát triển đội ngũ giáo viên mầm non

*** Mục đích**

Quản lý tốt việc phát triển đội ngũ giáo viên mầm non theo qui hoạch, tác động vào cơ cấu đội ngũ giáo viên mầm non sẽ tạo động lực cho giáo dục mầm non nói chung và giáo viên mầm non nói riêng được phát triển đồng bộ, là một trong những yếu tố nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non ở Tây Nguyên có tác dụng tích cực trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục mầm non và công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi .

***Nội dung và điều kiện thực hiện**

- Thực hiện qui hoạch đội ngũ giáo viên mầm non theo quy trình, theo thẩm quyền, đảm bảo các yêu cầu đáp ứng cho việc đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, đồng thời phải đáp ứng được yêu cầu về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi của các tỉnh Tây Nguyên.

- Phát triển số lượng đội ngũ giáo viên mầm non đảm bảo cho việc phát triển giáo dục mầm non của từng địa phương, đơn vị cụ thể đáp ứng cho quy mô trường, lớp, trẻ đến trường, các hoạt động giáo dục trong nhà trường, điều kiện chăm sóc và giáo dục trẻ em cả ngày hay một buổi, hệ số giáo viên mầm non/ nhóm, lớp theo quy định và những thay đổi cấp thời về đau ốm, sinh đẻ...

- Quy hoạch về mặt cơ cấu đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi được thể hiện ở các mặt về cơ cấu độ tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, đặc biệt có cơ cấu về thành phần dân tộc. Cơ cấu đội ngũ giáo viên mầm non gắn với nhu cầu, điều kiện phát triển của nhà trường như xây dựng trường chuẩn quốc gia, phát triển quy mô trường ,lớp...

***Tổ chức thực hiện**

*Dựa trên cơ sở kết quả dự báo số lượng giáo viên mầm non, Sở giáo dục và đào tạo xây dựng qui hoạch và chỉ đạo việc tổ chức thực hiện qui hoạch phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

* Phòng giáo dục và đào tạo xây dựng kế hoạch chỉ đạo các trường thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

*Hiệu trưởng các trường mầm non lập kế hoạch phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

3.3.2 *Đổi mới công tác tuyển chọn, sử dụng đội ngũ giáo viên mầm non*

*** Mục đích**

Thực hiện tốt việc tuyển chọn và sử dụng giáo viên mầm non trên cơ sở quy hoạch phát triển đội ngũ giáo viên mầm non. Thực hiện nhiệm vụ thu hút và đảm bảo quyền lợi cho đội ngũ giáo viên mầm non nhằm tạo tính ổn định, bền vững trong phát triển đội ngũ giáo viên mầm non, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ em, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, đặc biệt khó khăn nhằm đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

*** Nội dung và điều kiện thực hiện**

Phân công giáo viên mầm non dạy vùng đồng bào dân tộc thiểu số ngoài đảm bảo các yêu cầu chuyên môn cần phải quan tâm đến việc bồi dưỡng khả năng sử dụng tiếng dân tộc thiểu số đối với giáo viên mầm non người Kinh và bồi dưỡng khả năng sử dụng tiếng Việt đối với giáo viên mầm non là người dân tộc thiểu số. Đảm bảo các điều kiện ăn, ở, đi lại, sinh hoạt cho giáo viên mầm non...

*** Tổ chức thực hiện**

- Sở giáo dục và đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có chủ trương về tuyển dụng giáo viên mầm non theo đặc thù của địa phương, đảm bảo về chế độ để thu hút giáo viên mầm non đến những vùng khó khăn bổ sung vào số lượng giáo viên mầm non còn thiếu nhằm thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non và đáp ứng yêu cầu thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Phòng giáo dục và đào tạo xây dựng kế hoạch tuyển dụng giáo viên mầm non đảm bảo cho thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Các trường mầm non thực hiện kế hoạch tuyển chọn và sử dụng giáo viên mầm non. Hiệu trưởng báo cáo Hội đồng trường hàng năm về quy hoạch, kế hoạch phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đặc biệt là kế hoạch tuyển dụng, sử dụng đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phát triển của nhà trường, đồng thời phải đáp ứng được nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi để có kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch hàng năm. Định kỳ 6 tháng hiệu trưởng báo cáo tình hình đội ngũ giáo viên mầm non trong nhà trường cho Phòng giáo dục và đào tạo để có kế hoạch bổ sung, điều chuyển hợp lý.

3.3.3 *Quản lý đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên mầm non theo chuẩn đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi phù hợp với điều kiện cụ thể ở Tây nguyên*

*** Mục đích**

Đảm bảo cho đội ngũ giáo viên mầm non đặc biệt giáo viên mầm non dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi có đủ trình độ, năng lực, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non để đảm bảo cho việc thực hiện mục tiêu giáo dục mầm non, đáp ứng được yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi một cách bền vững.

*** Nội dung và điều kiện thực hiện**

- Lập kế hoạch tổ chức bồi dưỡng đảm bảo theo phân cấp quản lý, thực hiện đảm bảo mục tiêu và có các biện pháp bồi dưỡng cụ thể;

- Tổ chức bồi dưỡng theo kế hoạch theo các hình thức như: bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng nâng chuẩn làm cho đội ngũ có sự chuyển biến về chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non.

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bồi dưỡng theo định kỳ, theo phân cấp và các nội dung bồi dưỡng.

*** Tổ chức thực hiện**

- Sở giáo dục và đào tạo phối hợp các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên mầm non theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi cho toàn tỉnh.

- Phòng giáo dục và đào tạo xây dựng kế hoạch theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và tổ chức triển khai kế hoạch bồi dưỡng giáo viên mầm non tại địa phương.

- Hiệu trưởng trường mầm non chủ động tổ chức hoạt động bồi dưỡng tại đơn vị.

3.3.4 Tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc cho giáo viên mầm non tại vùng dân tộc thiểu số

***Mục đích**

Tổ chức bồi dưỡng khả năng sử dụng thành thạo tiếng dân tộc đối với giáo viên mầm non tại các vùng dân tộc thiểu số để giáo viên mầm non có thể làm tốt việc huy động và duy trì sĩ số trẻ 5 tuổi đến trường, giúp cho giáo viên mầm non hiểu được đặc điểm phát triển tâm sinh lý nhất là khả năng ngôn ngữ và nhận thức của trẻ em dân tộc thiểu số chuẩn bị tốt trẻ 5 tuổi vào học lớp 1.

***Nội dung và điều kiện thực hiện**

- Lập kế hoạch tổ chức bồi dưỡng đảm bảo theo phân cấp quản lý, thực hiện đảm bảo mục tiêu và có các biện pháp bồi dưỡng cụ thể;

- Tổ chức bồi dưỡng theo kế hoạch, có nội dung phù hợp. Bồi dưỡng tiếng dân tộc cần phù hợp với dân tộc của từng địa phương

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bồi dưỡng theo định kỳ, theo phân cấp.

***Tổ chức thực hiện**

- Sở giáo dục và đào tạo phối hợp với Sở Nội vụ lập kế hoạch tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc địa phương đặc biệt đội ngũ giáo viên mầm non dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi công tác tại vùng dân tộc thiểu số.

- Phòng giáo dục và đào tạo căn cứ vào kết quả đánh giá, nhu cầu cán bộ quản lý, giáo viên mầm non được bồi dưỡng tiếng dân tộc để có kế hoạch cử cán bộ quản lý, giáo viên mầm non tham gia học tập theo kế hoạch bồi dưỡng chung của ngành và của địa phương.

- Triển khai thực hiện kế hoạch bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho giáo viên mầm non tại trường mầm non.

3.3.5 Xây dựng và hoàn thiện chính sách đãi ngộ đối với giáo viên mầm non, đặc biệt đối với giáo viên mầm non dạy tại vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn

***Mục đích**

Đây là biện pháp có tính chất đòn bẩy, tạo động lực để giáo viên mầm non an tâm công tác; giúp giáo viên mầm non phát huy mọi tiềm năng, không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

***Nội dung và điều kiện thực hiện**

Đảm bảo chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước như tiền lương và chính sách ưu đãi, thu hút cho giáo viên dạy vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn; chính sách cho giáo viên mầm non dạy hòa nhập trẻ khuyết tật; chính sách cho giáo viên mầm non dạy học 2 buổi/ ngày; chính sách thi đua khen thưởng trong ngành giáo dục, chính sách khuyến khích giáo viên đạt danh hiệu “Giáo viên mầm non dạy giỏi”, giáo viên mầm non đạt thành tích cao trong các phong trào thi đua” Hai tốt” trong ngành giáo dục, giáo viên mầm non có thành tích xuất sắc trong học tập hoặc nhà ở và phương tiện đi lại, cơ hội thăng tiến.

***Tổ chức thực hiện**

- Sở giáo dục và đào tạo tham mưu và giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định đối với giáo viên mầm non.

- Phòng giáo dục và đào tạo quán triệt đến các cơ sở giáo dục mầm non và có kế hoạch tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo phân cấp về quản lý nhân sự.

- Hiệu trưởng các trường mầm non thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định đối với giáo viên mầm non như chi trả lương kịp thời, nâng lương đúng thời hạn; giải quyết các chế độ làm thêm giờ, chế độ kiêm nhiệm phù hợp với tình hình thực tế...

Công đoàn cơ sở hỗ trợ đời sống tinh thần và vật chất cho giáo viên mầm non nói chung và chú ý đến giáo viên mầm non có khó khăn trong công tác, điều kiện hoàn cảnh gia đình, vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số.

3.3.6. Thực hiện đánh giá giáo viên mầm non theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non phù hợp với các tỉnh Tây Nguyên

***Mục đích**

Thực hiện kiểm tra, đánh giá giáo viên mầm non theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định đồng thời đáp ứng những đặc thù của vùng Tây Nguyên, đảm bảo thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi vùng Tây Nguyên một cách bền vững .

Kết quả đánh giá giáo viên mầm non làm cơ sở để nhà trường và các cấp quản lý giáo dục xây dựng kế hoạch sử dụng và phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

***Nội dung và điều kiện thực hiện**

- Lập kế hoạch tổ chức kiểm tra, đánh giá đảm bảo theo phân cấp quản lý, thực hiện đảm bảo mục tiêu, nội dung kiểm tra;

- Tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, đánh giá

***Tổ chức thực hiện**

Sở giáo dục và đào tạo *triển khai quy định về Chuẩn nghề nghiệp* giáo viên mầm non; Chỉ đạo các Phòng giáo dục và đào tạo tổ chức triển khai cho hiệu trưởng trường mầm non tiến hành các bước đánh giá, xếp loại giáo viên mầm non theo quy trình.

Bước 1. Giáo viên tự đánh giá, xếp loại (là bước cơ bản nhất)

Điểm mới trong quy trình đánh giá đối với giáo viên mầm non để đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi của các tỉnh Tây Nguyên nhất là giáo viên mầm non vùng dân tộc thiểu số *bổ sung và nâng mức độ đánh giá, cụ thể ngoài kiến thức, hiểu biết theo chuẩn quy định hiện hành, giáo viên mầm non cần có kỹ năng sử*

dụng tiếng dân tộc tại địa phương trong giao tiếp, sử dụng thành thạo trong tổ chức hoạt động cho trẻ vùng dân tộc thiểu số.

Bước 2. Tổ chuyên môn đánh giá, xếp loại

Bước 3. Hiệu trưởng đánh giá, xếp loại

3.3.7 Mối quan hệ giữa các giải pháp

Các giải pháp thể hiện các bước đi cụ thể trong công tác quản lý nhằm phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Các giải pháp trên được tiến hành một cách đồng bộ góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng cho yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục mầm non thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

3.4 Khảo sát và thử nghiệm các giải pháp đề xuất

3.4.1. Khảo sát tính cấp thiết và tính khả thi của các giải pháp

Bảng 3.18: Kết quả đánh giá về tính cấp thiết và tính khả thi của các giải pháp

S TT	Các giải pháp	Tính cấp thiết			Tính khả thi		
		Rất cấp thiết	Cấp thiết	Không cấp thiết	Rất khả thi	Khả Thi	Không khả thi
		SL (tỷ lệ%)	SL (tỷ lệ%)	SL (tỷ lệ%)	SL (tỷ lệ%)	SL (tỷ lệ%)	SL (tỷ lệ%)
1	Đổi mới quy hoạch và chỉ đạo thực hiện hiệu quả quy hoạch phát triển ĐNGVMN	181 (100)			181 (100)		
2	Đổi mới công tác tuyển chọn, sử dụng đội ngũ giáo viên mầm non	173 (96)	7 (4)		165 (92)	16 (8)	
3	Quản lý đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên mầm non theo chuẩn đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi phù hợp với điều kiện cụ thể ở Tây Nguyên	166 (92)	15 (8)		158 (88)	23 (12)	
4	Tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc cho giáo viên mầm non tại vùng dân tộc thiểu số	169 (94)	12 (6)		163 (90)	18 (10)	
5	Xây dựng và hoàn thiện chính sách đãi ngộ đối với giáo viên mầm non, đặc biệt đối với giáo viên mầm non dạy tại vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn	177 (98)	3 (2)		156 (86)	15 (14)	
6	Thực hiện đánh giá giáo viên mầm non theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non phù hợp với các tỉnh Tây Nguyên	152 (84)	19 (16)		145 (80)	36 (20)	

Về tính cấp thiết và tính khả thi, kết quả bảng trên cho thấy cả 6 giải pháp đều nhận sự đồng thuận cao.

Bảng 3.19: Tương quan giữa tính cấp thiết và tính khả thi của các giải pháp

ST T	Các giải pháp	Tính cấp thiết		Mức độ khả thi		D	D ²
		\bar{X}	Thứ bậc	\bar{X}	Thứ bậc		
1	Đổi mới quy hoạch và chỉ đạo thực hiện hiệu quả quy hoạch phát triển ĐNGVMN	3	1	3	1	0	0
2	Đổi mới công tác tuyển chọn, sử dụng đội ngũ giáo viên mầm non	2,96	3	2,92	2	-0,04	0,0016

3	Quản lý đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên mầm non theo chuẩn đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi phù hợp với điều kiện cụ thể ở Tây nguyên	2,92	5	2,88	4	-0,04	0,0016
4	Tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc cho giáo viên mầm non tại vùng dân tộc thiểu số	2,94	4	2,90	3	-0,04	0,0016
5	Xây dựng và hoàn thiện chính sách đãi ngộ đối với giáo viên mầm non, đặc biệt đối với giáo viên mầm non dạy tại vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn	2,98	2	2,86	5	-0,12	0,0144
6	Thực hiện đánh giá giáo viên mầm non theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non phù hợp với các tỉnh Tây Nguyên	2,84	6	2,80	6	-0,04	0,0016

Áp dụng công thức, ta có :
$$r = 1 - \frac{6\sum D^2}{N(N^2 - 1)} \approx 0,99$$

Với kết quả tương quan $r = 0,99$, cho thấy mức độ cấp thiết và mức độ khả thi của các giải pháp phát triển đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi được các khách thể điều tra đánh giá là tương quan thuận, chặt chẽ; có nghĩa giữa mức độ cấp thiết và mức độ khả thi của các giải pháp được đánh giá cao và phù hợp.

3.4.2. Thử nghiệm nội dung giải pháp

3.4.2.1 Giải pháp 3: Quản lý đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên mầm non theo chuẩn đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi phù hợp với điều kiện cụ thể ở Tây nguyên

a) Mục đích thử nghiệm: Kiểm chứng để so sánh sự thay đổi về kỹ năng thiết kế các kế hoạch giáo dục cho trẻ mầm non theo chương trình giáo dục mầm non mới và kỹ năng đánh giá theo bộ chuẩn phát triển trẻ em về sự phát triển của trẻ em 5 tuổi ở các đối tượng thử nghiệm trước và sau khi tham gia bồi dưỡng, từ đó có kết quả để chứng minh tính cấp thiết và tính khả thi của giải pháp 3

b) Đối tượng, nội dung và thời gian thử nghiệm

- Đối tượng thử nghiệm: 200 giáo viên mầm non lớp 5 tuổi thuộc 10 trường mầm non của tỉnh Lâm Đồng

- Nội dung thử nghiệm: bồi dưỡng giáo viên mầm non dạy lớp 5 tuổi theo các yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non

- Thời gian thử nghiệm

Thử nghiệm sư phạm được tiến hành trong năm học 2012 -2013 đối với giáo viên mầm non ở các trường đã chọn, hình thức:

+ Phát phiếu đo lần 1 (Phụ lục phiếu số 3): Khảo sát nhận thức của giáo viên mầm non trước tổ chức lớp bồi dưỡng cho giáo viên mầm non vào đầu năm học 2012 -2013. Thời gian tiến hành: tháng 8/ 2012.

+ Phát phiếu đo lần 2 (Phụ lục phiếu số 3): Khảo sát giáo viên mầm non sau khi tổ chức lớp bồi dưỡng cho giáo viên mầm non vào cuối năm học 2012 -2013. Thời gian tiến hành: tháng 8/ 2013.

c) Tổ chức thử nghiệm

- Lập kế hoạch tổ chức bồi dưỡng

- Ban hành văn bản về kế hoạch tổ chức lớp bồi dưỡng

- Thiết kế mẫu phiếu đánh giá
 - Phương pháp đánh giá kết quả thử nghiệm
 - + Tiêu chí đánh giá: Đánh giá nhận thức theo mức độ từ 1 – 10
- Mỗi giáo viên mầm non có 2 phiếu đánh giá trước và sau khi được bồi

dưỡng

- Tổng hợp kết quả đầu vào và đầu ra sau khi tổ chức lớp bồi dưỡng qua tự đánh giá của giáo viên mầm non, so sánh số liệu và đưa ra nhận xét.

d) *Đánh giá kết quả thử nghiệm*

*Lần 1: Đánh giá đầu vào

Bảng 3.20: Thiết kế các kế hoạch giáo dục cho trẻ mầm non-Kết quả khảo sát đầu vào (%)

ST T	NỘI DUNG	ĐIỂM									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục cho trẻ mẫu giáo				15,5 (31)	17,5 (35)	67 (134)				
2	Hướng dẫn tổ chức, thực hiện bộ chuẩn phát triển trẻ em				13 (26)	77 (134)	6 (12)	4 (8)			
3	Thực hành kỹ năng xây dựng kế hoạch giáo dục năm cho trẻ mẫu giáo					14,5 (29)	73 (146)	12,5 (25)			
4	Thực hành kỹ năng xây dựng kế hoạch giáo dục theo chủ đề cho trẻ mẫu giáo					32,5 (65)	40 (20)	27,5 (55)			
5	Thực hành kỹ năng xây dựng kế hoạch giáo dục theo tuần cho trẻ mẫu giáo					32,5 (65)	35 (70)	32,5 (65)			
6	Thực hành kỹ năng xây dựng kế hoạch giáo dục theo hàng ngày cho trẻ mẫu giáo					20,5 (41)	40 (80)	39,5 (79)			
7	Kỹ năng xây dựng bộ công cụ đánh giá phát triển của trẻ em 5T				9,5 (19)	24,5 (49)	24 (48)	42 (84)			
8	Kế hoạch chăm sóc GD trẻ dân tộc TS và trẻ có hoàn cảnh khó khăn				15,5 (31)	43,5 (87)	13,5 (27)	27,5 (55)			
9	Kế hoạch thực hiện công tác vận động sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng tham gia vào công tác phổ cập GD trẻ.					62 (124)	33 (66)	5 (10)			
10	Kế hoạch giáo dục dinh dưỡng và tổ chức chăm sóc vệ sinh					11 (22)	79 (158)	10 (20)			
	Tỷ lệ đạt bình quân				5,3	33,5	41,1	20,1			

*Lần 2: Đánh giá đầu ra

Bảng 3.21: Thiết kế các kế hoạch giáo dục cho trẻ mầm non- Kết quả khảo sát đầu ra (%)

STT	NỘI DUNG	ĐIỂM									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

1	Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục cho trẻ mẫu giáo					50,5 (101)	28 (56)	21,5 (43)		
2	Hướng dẫn tổ chức thực hiện bộ chuẩn phát triển trẻ em				16 (32)	41 (82)	14 (28)	29 (58)		
3	Thực hành kỹ năng xây dựng kế hoạch giáo dục năm cho trẻ mẫu giáo				17 (54)	13 (26)	42,5 (85)	17,5 (35)		
4	Thực hành kỹ năng xây dựng kế hoạch giáo dục theo chủ đề cho trẻ mẫu giáo					6,5 (13)	60,5 (121)	18 (36)	15 (30)	
5	Thực hành kỹ năng xây dựng kế hoạch giáo dục theo tuần cho trẻ mẫu giáo					20,5 (41)	48,5 (97)	16 (32)	15 (30)	
6	Thực hành kỹ năng xây dựng kế hoạch giáo dục theo hàng ngày cho trẻ MG					11,5 (33)	62,5 (125)	17,5 (35)	8,5 (17)	
7	Kỹ năng xây dựng bộ công cụ đánh giá phát triển của trẻ em 5 tuổi				11 (22)	11 (22)	28 (56)	50 (100)		
8	Kế hoạch chăm sóc GD trẻ DTTS và trẻ có hoàn cảnh khó khăn				14 (28)	26,5 (53)	42,5 (85)	17 (34)		
9	Kế hoạch thực hiện công tác vận động sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng tham gia vào công tác phổ cập giáo dục				5,5 (11)	24,5 (49)	42,5 (85)	27,5 (55)		
10	Kế hoạch giáo dục dinh dưỡng và chăm sóc vệ sinh cho trẻ mầm non					19 (38)	61 (122)	20 (40)		
	Tỷ lệ đạt bình quân				6,3	22,4	43	24,4	3,9	

Kết quả thử nghiệm công tác bồi dưỡng của giáo viên mầm non đã được tăng cường và đã góp phần minh chứng cho mức độ hợp lý và khả thi của giải pháp đã đề xuất.

3.4.2.2 Biện pháp 4: Tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc cho giáo viên mầm non tại vùng dân tộc thiểu số

a) Mục đích thử nghiệm

Kiểm chứng để so sánh sự thay đổi về khả năng sử dụng và giao tiếp bằng tiếng dân tộc cho giáo viên mầm non tại các vùng dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên ở các đối tượng thử nghiệm trước và sau khi tham gia bồi dưỡng, từ đó có kết quả để chứng minh tính cấp thiết và tính khả thi của giải pháp 4

b) Đối tượng, nội dung và thời gian thử nghiệm

- *Đối tượng thử nghiệm:* 200 giáo viên mầm non dạy lớp 5 tuổi thuộc 10 trường mầm non của tỉnh Lâm Đồng

- *Nội dung thử nghiệm:* bồi dưỡng ĐNGVMN dạy lớp 5 tuổi khả năng sử dụng và giao tiếp bằng tiếng dân tộc cho GVMN tại các vùng dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên

- Thời gian thử nghiệm

Thử nghiệm sư phạm được tiến hành trong năm học 2012 -2013 đối với GVMN ở các trường đã chọn, hình thức:

+ Phát phiếu đo lần 1(Phụ lục phiếu số 2): Khảo sát nhận thức của GVMN trước tổ chức lớp bồi dưỡng cho GVMN vào đầu năm học 2012 -2013.Thời gian tiến hành: tháng 8/ 2012.

+ Phát phiếu đo lần 2 (Phụ lục phiếu số 2): Khảo sát GVMN sau khi tổ chức lớp bồi dưỡng cho GVMN vào cuối năm học 2012 -2013. Thời gian tiến hành: tháng 8/ 2013.

c) Tổ chức thử nghiệm

- Lập kế hoạch tổ chức bồi dưỡng
 - Ban hành văn bản về kế hoạch tổ chức lớp bồi dưỡng
 - Thiết kế mẫu phiếu đánh giá
 - Phương pháp đánh giá kết quả thử nghiệm
- + Tiêu chí đánh giá: Tốt, đạt và chưa đạt

Mỗi GV có 2 phiếu đánh giá trước và sau khi được bồi dưỡng
- Tổng hợp kết quả đầu vào và đầu ra sau khi tổ chức lớp bồi dưỡng qua tự đánh giá của GV, so sánh số liệu và đưa ra nhận xét.

d) Đánh giá kết quả thử nghiệm

*Lần 1: Đánh giá đầu vào

Bảng 3.22: Khả năng sử dụng tiếng dân tộc đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi - Kết quả khảo sát đầu vào (%)

Nội dung		Mức độ (%)		
		Tốt	Đạt	Chưa đạt
1	Kỹ năng nghe – nói tiếng dân tộc thiểu số			
a	Nghe – nói được một số từ thông thường (gọi tên các đồ vật, sự việc, hiện tượng)	10 (5)	40 (20)	50 (25)
b	Có thể trao đổi vài câu hỏi thông thường như : cái gì, đi đâu, làm gì, ...	4 (8)	26 (13)	70 (35)
c	Có khả năng giao tiếp lưu loát với người DTTS		20 (10)	80 (40)
2	Kỹ năng giải thích tiếng dân tộc thiểu số			
a	Giải thích bằng lời nói 1 -2 từ thông thường	8 (4)	18 (9)	74 (37)
b	Giải thích bằng lời có kèm hành vi, cử chỉ	10 (5)	20 (10)	70 (35)
3.	Kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ, phụ huynh và cộng đồng vùng DTTS			
a	Kĩ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm tạo được sự tự tin, khuyến khích được sự tham gia hưởng ứng của trẻ (trẻ dễ bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ và tâm tư của mình với GV).	8 (4)	20 (10)	72 (36)
b	Gần gũi, tôn trọng và hợp tác trong giao tiếp, ứng xử với cha mẹ của trẻ.	8 (4)	24 (12)	68 (34)
d	Giao tiếp ứng xử với cộng đồng trên tinh thần hợp tác, chia sẻ	6 (3)	30 (15)	64 (32)
	<i>Tỷ lệ bình quân</i>	<i>6.75</i>	<i>24.75</i>	<i>68.5</i>

*Lần 2:

Bảng 3.23: Khả năng sử dụng tiếng dân tộc vào quá trình giảng dạy và GD trẻ MN - Kết quả khảo sát đầu ra (%)

Nội dung		Mức độ (%)		
		Tốt	Đạt	Chưa đạt
1	Kỹ năng nghe – nói tiếng dân tộc thiểu số			
a	Nghe – nói được một số từ thông thường (gọi tên các đồ vật, sự việc, hiện tượng)	20 (10)	52 (26)	28 (14)
b	Có thể trao đổi vài câu hỏi thông thường như : đi đâu, làm gì, .	14 (7)	62 (31)	24 (12)
c	Có khả năng giao tiếp lưu loát với người DTTS		58 (29)	42 (21)
2	Kỹ năng giải thích tiếng dân tộc thiểu số			
a	Giải thích bằng lời nói 1 -2 từ thông thường	18 (9)	38 (19)	44 (22)

b	Giải thích bằng lời có kèm hành vi, cử chỉ	20 (10)	34 (17)	46 (23)
3.	Kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ, phụ huynh và cộng đồng vùng DTTS			
a	Kĩ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm tạo được sự tự tin, khuyến khích được sự tham gia hưởng ứng của trẻ (trẻ dễ bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ và tâm tư của mình với GV).	30 (15)	48 (24)	22 (11)
b	Gần gũi, tôn trọng và hợp tác trong giao tiếp, ứng xử với cha mẹ của trẻ.	28 (14)	44 (22)	28 (14)
d	Giao tiếp ứng xử với cộng đồng trên tinh thần hợp tác, chia sẻ	32 (16)	48 (24)	20 (10)
	Tỷ lệ bình quân	20,25	48	31,75

Việc tác động của giải pháp đã góp phần cải thiện khả năng vận dụng ngôn ngữ dân tộc thiểu số của giáo viên mầm non, tạo được sự tự tin cho giáo viên mầm non trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trẻ em vùng dân tộc thiểu số.

Kết luận chương 3 **KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

1. Kết luận

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

2.2. Đối với UBND các tỉnh Tây Nguyên

2.3. Đối với các Sở Giáo dục và Đào tạo của các tỉnh Tây Nguyên

2.4. Đối với các phòng Giáo dục và Đào tạo và trường mầm non các tỉnh Tây Nguyên

2.5. Đối với các trường Sư phạm

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ

1. Nguyễn Thị Bạch Mai (9/2011) Thực trạng và các giải pháp quản lý đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục mầm non vùng dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011 - 2020, *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 72.
2. Nguyễn Thị Bạch Mai (12/2013) Quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động giáo dục ở các trường khu vực Tây Nguyên, *Tạp chí Thiết bị giáo dục*, số 90.
3. Nguyễn Thị Bạch Mai (1/2014) Quản lý hiệu quả công tác bồi dưỡng giáo viên mầm non các tỉnh Tây Nguyên, *Tạp chí Giáo dục*, số 326.
4. Nguyễn Thị Bạch Mai (1/2014) Phát triển đội ngũ giáo viên mầm non theo chuẩn nghề nghiệp, *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số đặc biệt.
5. Nguyễn Thị Bạch Mai (4/2014) Tỉnh Lâm Đồng với những giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục mầm non vùng dân tộc thiểu số, *Tạp chí Giáo dục mầm non*, số 1/2014.
6. Nguyễn Thị Bạch Mai (9/2014) Thực trạng phát triển đội ngũ giáo viên mầm non ở vùng Tây Nguyên, *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 108.
7. Nguyễn Thị Bạch Mai (8/2015) Quản lý phát triển đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi các tỉnh Tây Nguyên trong giai đoạn hiện nay, *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 119.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TÁC GIẢ THAM GIA

1. Thực trạng và giải pháp để chuẩn hóa cho cán bộ quản lý và giáo viên tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 1996 – 2005 (1995), Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh.
2. Thực trạng và giải pháp quản lý trường lớp mầm non tư thục trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (1999), Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh.
3. Chương trình thích hợp tăng cường tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi dân tộc Kơ Ho trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (2000), Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh.
4. Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp xây dựng đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế (2009), Đề tài, dự án khoa học - công nghệ cấp tỉnh.